

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/4/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Bùi Thị Hậu-  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 33/2023/HNGĐ-  
TLST ngày 15/02/2023, về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn ”,  
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày  
21/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐ-ST ngày 06 tháng 4  
năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ng**, sinh ngày 05/6/1991.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đại L, xã Hoàng D, huyện L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Anh **Đoàn Hữu Q**, sinh ngày 18/8/1993.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đại L, xã Hoàng D, huyện L, tỉnh  
Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm  
1962.

Địa chỉ: Thôn Đại L, xã Hoàng D, huyện L, tỉnh Hải Dương.

(Chị Ng, anh Q, bà V đều đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Bùi Thị Ng trình  
bày: Chị và anh Q tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Hoàng D, huyện L, tỉnh Hải Dương ngày 25/12/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 5 năm. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên năm 2016 vợ chồng chị đều sang Đài Loan lao động. Khoảng 1 năm đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng sau đó do hai bên bắt đầu quan điểm trong việc quản lý kinh tế dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tháng 11/2022 chị về Việt Nam nhưng không về gia đình chồng mà ở lại nhà bố mẹ đẻ tại xã Gia T, huyện L. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đoàn Hữu M, sinh ngày 09/01/2014, hiện tại cháu đang ở với bà nội. Ly hôn, do cháu M đã lớn, chị tôn trọng nguyện vọng của cháu, nếu cháu M có nguyện vọng được ở với bố và bà nội chị cũng đồng ý. Trong thời gian anh Q không ở Việt Nam chị đồng ý để cháu M sống cùng với bà nội là bà Nguyễn Thị V. Trường hợp cháu M có nguyện vọng ở với chị, chị tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ng tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Đoàn Hữu Q hiện nay đang lao động tại Đài Loan, do chị Ng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Q nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Q tại gia đình. Bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ anh Q cung cấp, anh Q đi Đài Loan lao động từ năm 2016, từ khi đi anh Q đã 2 lần về Việt Nam thăm gia đình. Bà không biết địa chỉ của anh Q ở nước ngoài, nhưng anh Q thường xuyên gọi điện liên lạc với gia đình. Bà cho biết vợ chồng anh Q xảy ra mâu thuẫn từ khi còn ở Đài Loan. Bà V đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Q biết. Thông qua gia đình cũng như tại buổi làm việc với Tòa án, anh Q đã trực tiếp gọi điện thoại về và thể hiện quan điểm: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị Ng. Về con chung, anh xác định vợ chồng có một con chung là Đoàn Hữu M, sinh ngày 09/01/2014, hiện đang ở cùng bà V. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, trong thời gian không ở Việt Nam anh ủy quyền cho bà V chăm sóc nuôi dưỡng cháu M. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung, nợ chung không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị V có quan điểm: Bà là mẹ đẻ của anh Q, còn chị Ng là con dâu. Hiện tại bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đoàn Hữu M là con của chị Ng, anh Q. Bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M trong thời gian anh Q không ở Việt Nam, đồng thời bà đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Cháu Đoàn Hữu M là con chung của anh Q, chị Ng có nguyện vọng được ở với bố và bà nội khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị Ng, anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Ng được ly hôn anh Q. Về con chung: Giao cháu Đoàn Hữu M, sinh ngày 09/01/2014 cho anh Đoàn Hữu Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Q không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Đoàn Hữu M cho bà Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Về án phí: Chị Bùi Thị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Chị Bùi Thị Ng và anh Đoàn Hữu Q đều có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đại L, xã Hoàng D, huyện L, tỉnh Hải Dương. Anh Q đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ng không cung cấp được địa chỉ của anh Q tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Q cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình được biết, anh Q thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị V. Bà V đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Q biết. Anh Q mặc dù không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn, nhưng anh đã gọi điện về, đồng thời thông qua gia đình anh Q đã thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với chị Ng. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số

253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Anh Q ủy quyền cho mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đoàn Hữu M trong thời gian anh không ở Việt Nam nên Tòa án xác định bà Nguyễn Thị V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Chị Ng, anh Q, bà Vạn đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Ng và anh Đoàn Hữu Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng D, huyện L, tỉnh Hải Dương ngày 25/12/2012, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế, không tìm thấy tiếng nói chung, hiện nay mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, anh Q cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Ng và anh Q đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng.

- *Về con chung*: Chị Bùi Thị Ng và anh Đoàn Hữu Q có một con chung là Đoàn Hữu M, sinh ngày 09/01/2014 hiện đang sống cùng bà V. Ly hôn anh Q có nguyện vọng được nuôi con, chị Ng có quan điểm nếu cháu M muốn ở với ai chị cũng đồng ý. Quan điểm của cháu M nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố và bà nội. Xét thấy, thực tế từ khi chị Ng và anh Q đi nước ngoài đến nay cháu M đã ở với bà Vạn và được chăm sóc tốt. Do vậy để ổn định cuộc sống và tâm lý cho cháu, cần giao cháu M cho anh Q nuôi dưỡng, đồng thời tạm giao cháu M cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng thời trong thời gian anh Q không có mặt tại Việt Nam là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con: Do các bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ng được ly hôn anh Đoàn Hữu Q.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Hữu M, sinh ngày 09/01/2014 cho anh Đoàn Hữu Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh Q không ở Việt Nam, tạm giao cháu M cho bà Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Chị Bùi Thị Ng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003916 ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Ng đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đoàn Hữu Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Bùi Thị Ng, bà Nguyễn Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hoàng D;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã Ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**